Sơ đồ bên trong Tòa Thị Chính Kato

1F

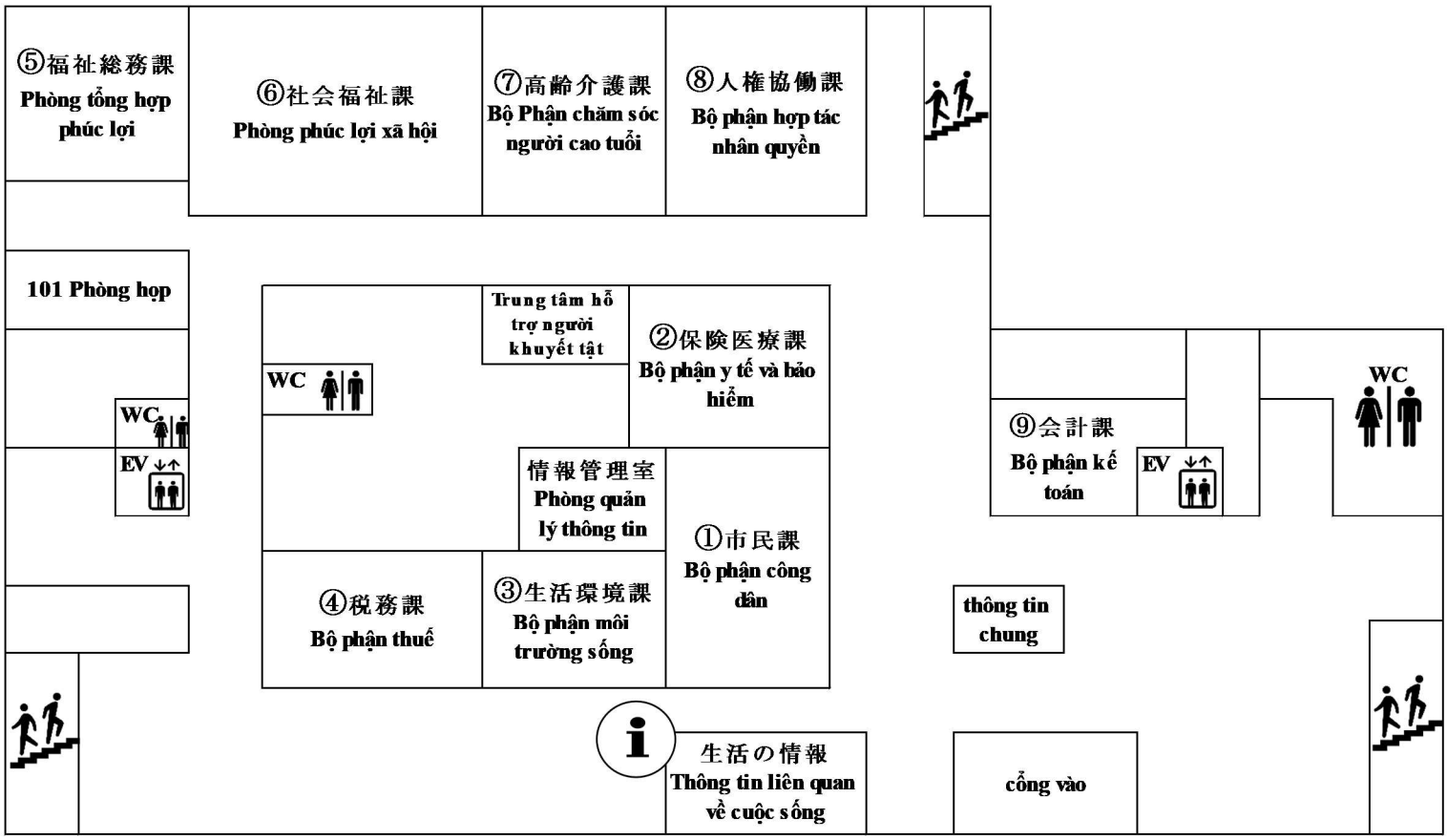

2F

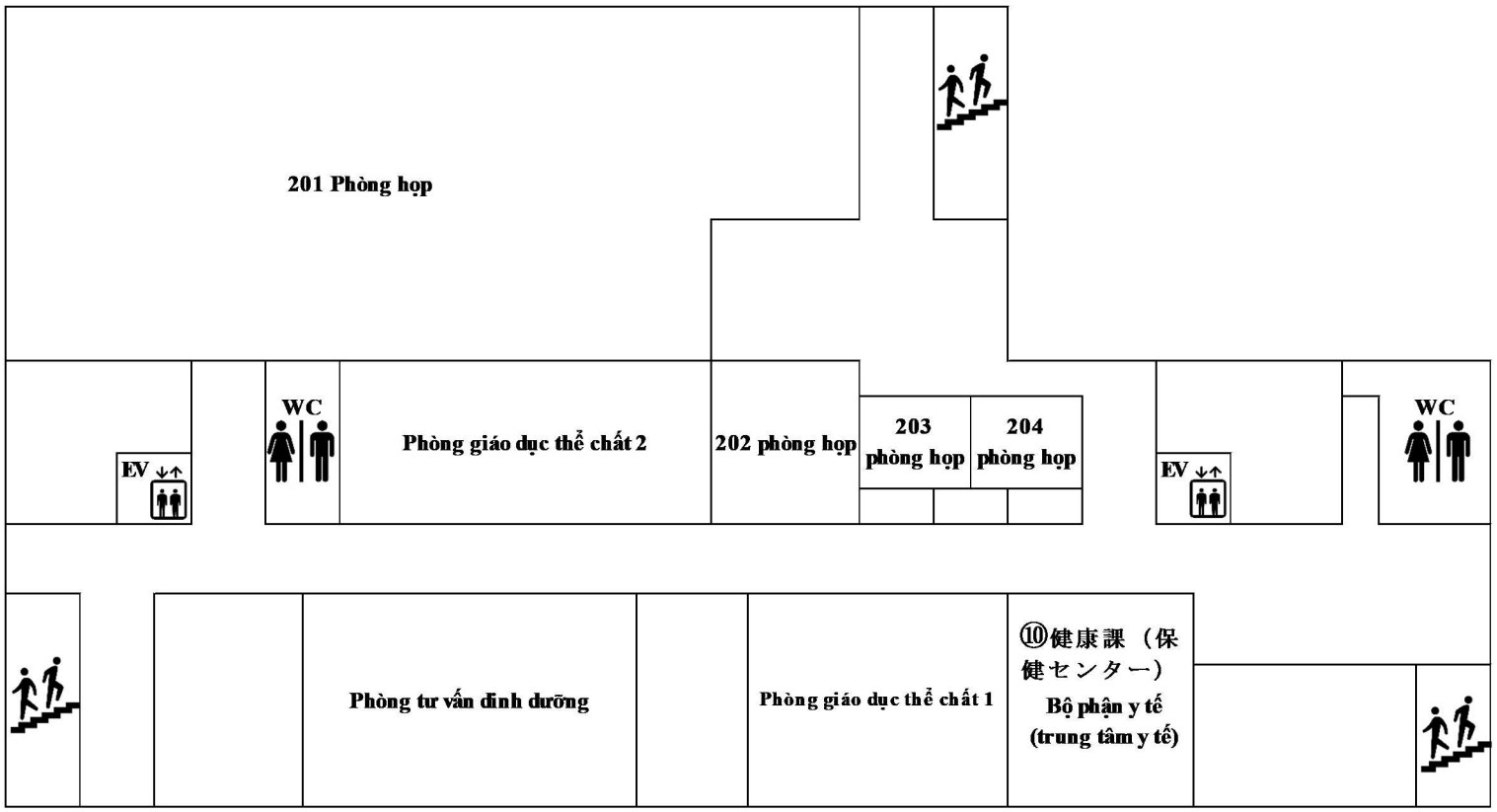

1F

Số	Tên bộ phận	Bạn có thể nhận được tư vấn gì？	Tel（Chỉ có tiếng Nhật）、khác
①	市民課（●） Bộ phận Công Dân	・kết hôn・khai sinh・khai tử ・thủ thục : nhập khẩu. chuyển khẩu ・giấy chứng nhận: gia đình. Thẻ cư trú ・Chứng nhận đăng ký con dấu ・chứng nhận đăng ký người nước ngoài ..v.v	Thứ ba hàng tuần（trừ ngày lễ） thời gian làm việc đến 7:15 tối TEL：0795-43-0390
②	保険医療課 Bộ phận y tế và bảo hiểm	・Lương hưu quốc gia. Bảo hiểm y tế quốc gia. Chăm sóc y tế cho người cao tuổi ..v.v	TEL：0795-43-0500
③	生活環境課 Bộ phận môi trường sống	・Các quy định về cách bỏ và phân loại rác ・Tưvấn vấn đề tiêu dùng,bảo vệmôitrường ..v.v	TEL：0795-43-0502
④	税務課 Bộ phận thuế	・cấp giấy chứng nhận thu nhập, thuế ..v.v	TEL：0795-43-0395
⑤	福祉総務課（●） Phòng tổng hợp phúc lợi	・trợ cấp nuôi con, trợ cấp nuôi con nhỏ ・tư vấn hỗ trợ gia đình đơn thân ..v.v	TEL：0795-43-0408
⑥	社会福祉課 Phòng phúc lợi xã hội	・tư vấn hỗ trợ về cuộc sống khó khăn ・phúc lợi cho người khuyết tật ..v.v	TEL：0795-43-0407
⑦	高齢介護課 Bộ phận chăm sóc người cao tuổi	・hỗ trợ cuộc sống cho người cao tuổi và chi phí chăm sóc bảo hiểm ..v.v	TEL：0795-43-0440
⑧	人権協働課 Bộ phận hợp tác nhân quyền	・hiệp hội cộng đồng địa phương và tư vấn nhân quyền ..v.v	TEL：0795-43-0544
⑨	会計課 Bộ phận kế toán	・thông tin về thanh toán thuế thành phố, phí nước sinh hoạt. ..v.v ※khi đến thanh toán vui lòng mang theo biên nhận thanh toán	TEL：0795-43-0406

2 F

Số	Tên bộ phận	Bạn có thể nhận được tư vấn gì？	Tel（Chỉ có tiếng Nhật）、khác
⑩	健康課（保健センター）（●） Bộ phận y tế (trung tâm y tế)	・mang thai, sinh con, tiêm chủng, các vấn đề sức khỏe ..v.v	TEL：0795-42-2800

※Những bộ phận phía sau có dấu「（●）」sẽ được hỗ trợ phiên dịch bằng máy dịch thuật.

3F

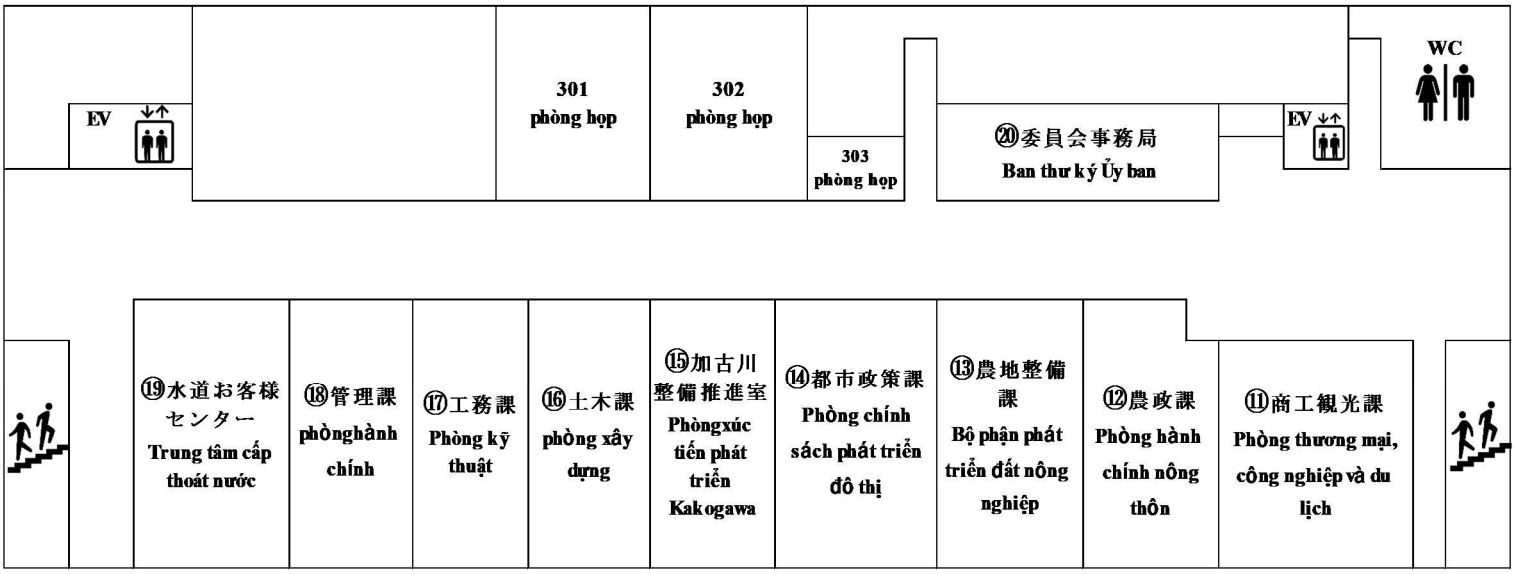
EV
301
phòng họp
302
phòng họp
303
phòng họp
⑳委員会事務局
Ban thư ký Ủy ban
EV
WC
⑲水道お客様センター
Trung tâm cấp thoát nước
⑱管理課
phòng hành chính
⑰工務課
Phòng kỹ thuật
⑯土木課
phòng xây dựng
⑮加古川整備推進室
Phòng xúc tiến phát triển Kakogawa
⑭都市政策課
Phòng chính sách phát triển đô thị
⑬農地整備課
Bộ phận phát triển đất nông nghiệp
⑫農政課
Phòng hành chính nông thôn
⑪商工観光課
Phòng thương mại, công nghiệp và du lịch

4F

EV
401
phòng họp
㉛こども教育課
Phòng giáo dục trẻ em
㉚小中一貫教育推進室
Phòng xúc tiến giáo dục tiểu học và trung học cơ sở
㉙学校教育課
Phòng giáo dục trường học
㉘教育総務課
Phòng giáo dục và tổng hợp
Trưởng phòng giáo dục
phòng tiếp tân3
phòng tiếp tân2
EV
WC
㉗管財課
Phòng hành chính
㉖総務財政課
Phòng kế hoạch và chính sách
㉕人事課
Phòng nhân sự
402
Phòng họp
㉔防災課
Phòng chống thiên tai
㉓まちづくり創造課
Bộ phận phát triển cộng đồng
㉒企画政策課
Phòng kế hoạch và chính sách
㉑秘書室
Phòng thư ký
Phòng phó thị trưởng
phòng tiếp tân
Phòng thị trưởng

5F

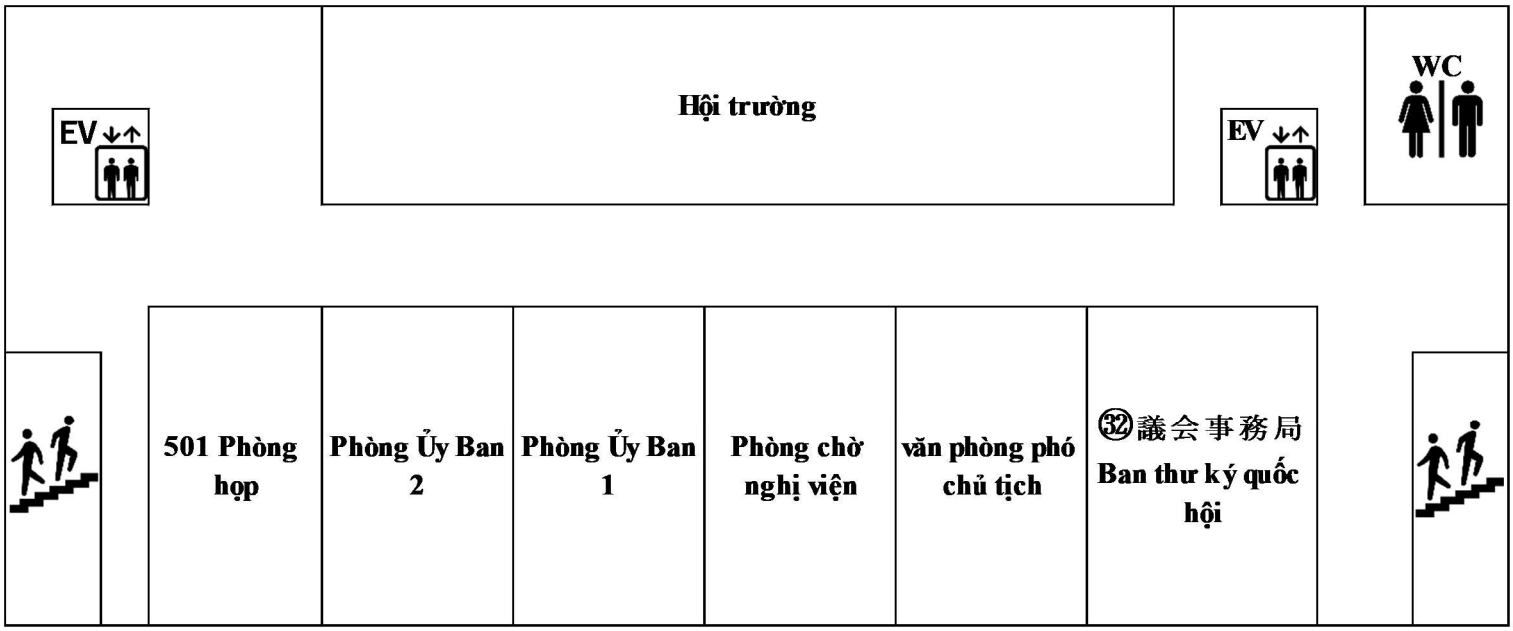
EV
Hội trường
EV
WC
501 Phòng họp
Phòng Ủy Ban 2
Phòng Ủy Ban 1
Phòng chờ nghị viện
văn phòng phó chủ tịch
㉜議会事務局
Ban thư ký quốc hội

3F

Số	Tên bộ phận	Bạn có thể nhận được tư vấn gì ?	Tel （Chỉ có tiếng Nhật）、khác
⑪	商工観光課 Phòng thương mại, công nghiệp và du lịch	・tham quan, làm việc（cung cấp thông tin việc làm） ..v.v	TEL：0795-43-0530
⑫	農政課 Phòng hành chính nông thôn	・Những vấn đề liên quan đến nông nghiệp ..v.v	TEL：0795-43-0518
⑬	農地整備課 Bộ phận phát triển đất nông nghiệp	・những thiệt hại do thú rừng, các vấn đề liên quan đến ao hồ ..v.v	TEL：0795-43-0519
⑭	都市政策課 Phòng chính sách phát triển đô thị	・thủ tục liên quan đến nhà ở Thành Phố. Tỉnh ・về nhà trống và hệ thống hỗ trợ nhà ở ..v.v	TEL：0795-43-0517
⑮	加古川整備推進室 Phòngxúc tiến phát triển Kakogawa	・các vấn đề về sông Kakogawa ..v.v	TEL：0795-43-0524
⑯	土木課 phòng xây dựng	・quản lý đường bộ. Đường sông ・quản lý công viên ..v.v	TEL：0795-43-0504
⑰	工務課 Phòng kỹ thuật	・bảo trì quản lý cấp và thoát nước ..v.v	TEL：0795-43-0534
⑱	管理課 Phònghành chính	・đký sử dụng nước cho hộ gia đình	TEL：0795-43-0533
⑲	水道お客様センター（●） Trung tâm cấp thoát nước	・thủ tục đóng và mở đường nước ..v.v	TEL：0795-43-0538
⑳	委員会事務 Ban thư ký Ủy ban	・về bầu cử ..v.v	TEL：0795-43-0528

4F

Số	Tên bộ phận	Bạn có thể nhận được tư vấn gì ?	Tel （Chỉ có tiếng Nhật）、khác
㉑	秘書室 Phòng thư ký	・về quan hệ cộng chúng ..v.v	TEL：0795-43-0387
㉒	企画政策課（●） Phòng kế hoạch và chính sách	・về trao đổi quốc tế ・hỗ trợcuộc sống cho người nướcngoài ・về phương tiện giao thôngcông cộng ..v.v	TEL：0795-43-0389 ※Có tư vấn hỗ trợ cho người nước ngoài. Xin Vui lòng liên hệ nếu cần.
㉓	まちづくり創造課 Bộ phận phát triển cộng đồng	・đinh cư, tái định cư , nộp thuế quê hương ..v.v	TEL：0795-43-0507
㉔	防災課 Phòng chống thiên tai	・phòng chống thiên tai, an toàn Giao thông ..v.v	TEL：0795-43-0403
㉕	人事課 Phòng nhân sự	・tuyển dụng cán bộ nhận sự ..v.v	TEL：0795-43-0412
㉖	総務財政課 Phòng kế hoạch và chính sách	・thông tin về ngân sách thành phố, quyết toán ..v.v	TEL：0.795-43-0410
㉗	管財課 Phòng hành chính	・việc bảo trì tòa nhà chính phủ ..v.v	TEL：0795-43-0413
㉘	教育総務課 Phòng giáo dục và tổng hợp	・các hỗ trợ về việc đi học ..v.v	TEL：0795-43-0540
㉙	学校教育課（●） Phòng giáo dục trường học	・các vấn đề về trường học ..v.v	TEL：0795-43-0541
㉚	小中一貫教育推進室 Phòng xúc tiến giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	・liên quan đến giáo dục tiểu học, trung học cơ sở ..v.v	TEL：0795-43-0562
㉛	こども教育課（●） Phòng giáo dục trẻ em	・các thủ tục về: nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường bán trú ..v.v	TEL：0795-43-0546

5F

Số	Tên bộ phận	Bạn có thể nhận được tư vấn gì ?	Tel （Chỉ có tiếng Nhật）、khác
㉜	議会事務局 Ban thư ký quốc hội	Các vấn đề liên quan đến nghị sĩ và quốc hội ..v.v	TEL：0795-43-0385

※Những bộ phận phía sau có dấu「（●）」 sẽ được hỗ trợ phiên dịch bằng máy dịch thuật..